

Bản án số: **06** /2019/HS-ST

Ngày: 24 - 01 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lộc.

Thẩm phán: Ông Tôn Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Như Ý.
2. Ông Nguyễn Tiến Nam.
3. Ông Dương Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:
Ông Trần Xuân Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Th, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1985 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ 2, phường TL, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị H; có chồng là Phạm T và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Từ nhỏ ở với bố mẹ và đi học tại địa phương, học đến lớp 5 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Năm 2003, lập gia đình và làm ăn sinh sống tại Tổ 2, phường TL, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/10/2017 đến ngày 09/3/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 12/6/2018 bị bắt tạm giam cho đến nay. Có mặt.

* *Người bào chữa (theo chỉ định) cho bị cáo Nguyễn Thị Th:* Ông Phạm Đình Hiệu – Luật sư của Văn phòng luật sư Huế thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: 31 Tổ Hữu, phường Phú Hội, thành phố Huế. Có mặt.

*** Bị hại:**

- Chị Lê Thị Th11 (Xí), sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 2, phường TL, thị xã HT, tỉnh TT - Huế. Có mặt.

- Ông Phạm P, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 2, phường TL, thị xã HT, tỉnh TT - Huế. Có mặt.

*** Người làm chứng:**

- Ông Phạm T, sinh năm 1971, nơi cư trú: Tổ 2, phường TL, thị xã HT, tỉnh TT - Huế. Có mặt.

- Bà Đào Thị P, sinh năm 1991, nơi cư trú: Tổ 8, phường TL, thị xã HT, tỉnh TT - Huế. Vắng mặt.

- Bà Lê Thị Th1anh N, sinh năm 1976, nơi cư trú: Tổ 4, phường TL, thị xã HT, tỉnh TT - Huế. Vắng mặt.

- Bà Dương Thị Lg, sinh năm 1958, nơi cư trú: Tổ 2, phường TL, thị xã HT, tỉnh TT - Huế. Có mặt.

- Bà Trần Thị Lệ H, sinh năm 1983, nơi cư trú: Tổ 6, phường TL, thị xã HT, tỉnh TT - Huế. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Th, sinh năm 1948, nơi cư trú: Tổ 7, phường TL, thị xã HT, tỉnh TT - Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 01/2017, thấy người chơi số đề ít khi trúng nên Nguyễn Thị Th quyết định khi có người chơi số đề nhờ Th ghi giúp, Th sẽ không chuyển lại cho người làm cái mà tự làm cái, giữ lại để tính thắng thua trực tiếp với họ. Quá trình sau đó, do có nhiều người chơi số đề trúng làm cho Th không có tiền để trả nên phải nhiều lần vay mượn bên ngoài để trả cho những người chơi trúng số đề. Đến cuối tháng 01/2017, do có nhiều người chơi đề tiếp tục trúng số đề và đã thiếu nợ số tiền khoảng 50.000.000 đồng không có khả năng chi trả nên Th nảy sinh ý định lừa đảo chị Lê Thị Th1 (là người quen ở cùng Tổ dân phố với Th).

Thực hiện ý định đó, Th đã nói dối với chị Lê Thị Th1 là có người trúng thưởng vé số kiến thiết hoặc trúng số đề muốn đổi cho Th với giá thỏa thuận. Nếu giá trị vé số trúng thưởng hoặc số đề trúng thưởng từ 01 tỷ đồng trở lên thì số tiền Th được hưởng sẽ là 60 triệu đồng/1 tỷ đồng giá trị giải thưởng (tức là người trúng thưởng chỉ lấy 940 triệu đồng, còn 60 triệu đồng họ cho Th). Nếu giá trị vé số trúng thưởng hoặc số đề trúng thưởng dưới 01 tỷ đồng thì người trúng thưởng chỉ lấy 95% giá trị trúng thưởng, còn 5% thì họ cho Th. Do đó, nếu chị Lê Thị Th1 đồng ý bỏ tiền ra để Th mua các vé số trúng thưởng hoặc chi trả các số đề trúng này thì sẽ được Th đưa lại toàn bộ số tiền người trúng thưởng vé số kiến thiết hoặc người trúng số đề cho Th (nhưng thực chất không có ai trúng vé số hoặc trúng số đề đó mà đều do Nguyễn Thị Th tự bịa đặt ra).

Mặt khác, Th nói dối chị Lê Thị Th1 khi đưa tiền cho Th thì chỉ phải đưa phần tiền vé số kiến thiết trúng thưởng hoặc số đề trúng thưởng tương ứng với số tiền mà người trúng thưởng sẽ lấy là 94% hoặc 95% giá trị, số tiền 5% hoặc 6% còn lại thì Th sẽ trả phải cho chị Lê Thị Th1 (Ví dụ như: Vé số trúng thưởng là 100 triệu đồng thì chị Lê Thị Th1 chỉ phải đưa cho Th 95 triệu đồng nhưng Th sẽ tính cho chị Lê Thị Th1 số tiền đã đưa là 100 triệu đồng, nghĩa là chị Lê Thị Th1 đã được lãi 05 triệu đồng). Những ngày tiếp theo sau đó, Th tiếp tục nói dối chị Lê Thị Th1 đòi vé số trúng thưởng hoặc trả tiền cho người trúng số đề với các giá trị giải thưởng do Th tự bịa đặt ra như: Đòi vé số kiến thiết trúng thưởng 200 triệu đồng hoặc trả tiền trúng số đề 10 triệu đồng,... Do làm nghề bán vé số và ghi số đề từ lâu nên Th biết cách nói dối các con số trúng thưởng này như thế nào để chị Lê Thị Th1 tưởng mình được hưởng một số tiền lời (hay gọi là “tiền họ cho”) càng ngày càng lớn thì sẽ mua vé số hoặc trả tiền trúng số đề liên tục (Ví dụ: Vé số trúng thưởng ngày hôm nay là 01 tỷ đồng thì chị Lê Thị Th1 được hưởng số tiền lời là 60 triệu đồng, nên Th tính toán vé số trúng thưởng ngày hôm sau sẽ là 1,1 tỷ đồng, ngày tiếp theo là 1,25 tỷ đồng,... tức là chị Lê Thị Th1 sẽ luôn được hưởng số tiền họ cho ngày hôm sau lớn hơn ngày hôm trước nhiều lần). Nhằm để che dấu hành vi của mình và để cho chị Lê Thị Th1 ngày càng tin tưởng mình thì Th tính toán trả lại cho chị Lê Thị Th1 một khoản “tiền họ cho” hoặc “tiền dư” hợp lý và số tiền này luôn nhỏ hơn số tiền chị Lê Thị Th1 đã đưa cho Th, còn số tiền lời “ảo” ngày càng tăng thì Th không chịu trả cho chị Lê Thị Th1 mà nói dối là “cộng dồn lại để mua vé số trúng hoặc trả tiền số đề trúng” (Ví dụ: chị Lê Thị Th1 đưa cho Th 100 triệu đồng để mua vé số trúng thưởng và 20 triệu đồng để trả tiền số đề trúng, tổng cộng là 120 triệu đồng thì Th giả vờ trả lại cho chị Lê Thị Th1 80 triệu đồng hoặc 90 triệu đồng nói là “tiền dư” hoặc “họ cho”).

Bằng nhiều thủ đoạn gian dối do mình tự bịa đặt ra, chỉ trong một thời gian ngắn (từ ngày 30/01/2017 đến ngày 16/3/2017), Nguyễn Thị Th đã làm cho chị Lê Thị Th1 tin tưởng. Do mỗi ngày chỉ đưa cho Nguyễn Thị Th một số tiền không lớn mà lại được trả lại ngay một khoản tiền khác, đồng thời còn được hưởng một khoản tiền lời “ảo” lớn mà Nguyễn Thị Th hứa sẽ trả khi không mua vé số trúng hoặc trả tiền trúng số đề nữa nên chị Lê Thị Th1 đã không nghi ngờ gì và đã 58 lần đưa tiền cho Nguyễn Thị Th chiếm đoạt với tổng số tiền là 1.457.620.000 đồng. Trong đó, 43 lần chiếm đoạt bằng thủ đoạn mua lại vé số kiến thiết trúng thưởng với số tiền 1.057.620.000 đồng và 15 lần chiếm đoạt bằng thủ đoạn trả tiền cho người chơi số đề trúng với số tiền 400.000.000 đồng. Nguyễn Thị Th đã trả lại cho chị Lê Thị Th1 19 lần với số tiền 944.100.000 đồng, còn lại 513.520.000 đồng thì Th chưa trả cho chị Lê Thị Th1.

Ngày 16/3/2017, Nguyễn Thị Th điện thoại cho chị Lê Thị Th1 nói dối là số tiền gốc và lãi (“tiền họ cho, tiền dư”) cộng dồn đến ngày 15/3/2017 là 2.500.000.000 đồng (nhưng thực tế số tiền gốc của chị Lê Thị Th1 chỉ còn 513.520.000 đồng, tiền lãi ảo là 1.987.000.000 đồng), nếu chị Lê Thị Th1 mua vé trúng thưởng có giá trị 2.850.000.000 đồng thì chỉ đưa thêm cho Th 180.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh đến ngày 16/3/2017 là 2.336.480.000 đồng. Chị Lê Thị Th1 tin lời nói của Th là thật nên đồng ý, sau đó điện thoại cho chồng là anh Phạm Phúc đến nhà chị Trần Thị Lệ Huyền lấy số tiền 140.000.000 đồng, lấy thêm trong tủ nhà mình số tiền 40.000.000

đồng, rồi đưa đến nhà bà Dương Thị Lồng (mẹ đẻ của chị Lê Thị Th1) giao cho Nguyễn Thị Th 180.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Nguyễn Thị Th đã bỏ đi, khóa máy điện thoại để không còn liên lạc được. Đến chiều cùng ngày, vợ chồng chị Lê Thị Th1 tìm gặp được Th nói chuyện thì Th nói dối là tờ vé số kiến thiết trúng thưởng 2.850.000.000 đồng đã bị rơi mất. Nghi ngờ Nguyễn Thị Th lừa đảo để chiếm đoạt tiền của mình, chị Lê Thị Th1 đã làm đơn trình báo đến Công an thị xã HT đề nghị làm rõ.

Ngày 17/3/2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã HT đã tiến hành thu giữ và niêm phong của chị Lê Thị Th1 01 chiếc điện thoại OPPO số A37F và 02 sim điện thoại số 01677635240; 012287002250.

Ngày 17/5/2017, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế tiến hành trích xuất toàn bộ nội dung các tin nhắn được lưu giữ trong máy điện thoại của chị Lê Thị Th1 xác định: Trong mục tin nhắn của số điện thoại 0935173944 có thư mục ký hiệu Thuythim, số điện thoại 01285688118 có thư mục ký hiệu Thuy Ban. Tại thư mục Thuythim có 44 nội dung tin nhắn bắt đầu từ 13 giờ 56 phút 38 giây ngày 13/02/2017 đến 13 giờ 32 phút 17 giây ngày 15/3/2017. Tại thư mục Thuy Ban có 24 tin nhắn bắt đầu từ 00 giờ 03 phút 05 giây ngày 28/01/2017 đến 21 giờ 53 phút 22 giây ngày 11/3/2017.

Ngày 12/3/2017 và ngày 18/4/2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã HT ra lệnh thu giữ thư tín, điện tín đối với 02 số điện thoại của Nguyễn Thị Th sử dụng là 01285688118 và 0935173944 để liên lạc với chị Lê Thị Th1 (số điện thoại 01228702250 và 01677635240) thời gian từ cuối tháng 01/2017 đến ngày 16/3/2017.

Ngày 28/5/2017, Tổng công ty viễn thông Mobifone có Công văn số 688 trả lời kèm theo đầy đủ danh sách các thông tin chi tiết gồm 82 tờ.

Ngày 14/5/2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã HT tiến hành mở niêm phong chiếc điện thoại OPPO và in sao toàn bộ tin nhắn của Nguyễn Thị Th đã nhắn cho chị Lê Thị Th1 từ ngày 30/01/2017 đến ngày 15/3/2017, tổng cộng có 68 tin nhắn, ngày 16/3/2017 không có tin nhắn.

Ngày 20/3/2017 và ngày 27/3/2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã HT đã thu giữ của Nguyễn Thị Th số tiền 180.000.000 đồng, còn lại 333.520.000 đồng Th khai đã trả nợ cho những người chơi trúng số đề mà Th làm cái nên cơ quan điều tra không thu hồi được để trả lại cho chị Lê Thị Th1.

Ngày 08/11/2017 và ngày 10/11/2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã HT ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho chị Lê Thị Th1 180.000.000 đồng.

Ngày 02/8/2018 và 03/8/2018, cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Lê Thị Th1 01 chiếc điện thoại di động OPPO số A37F và 02 sim điện thoại 01677635240; 01228702250.

Đối với chiếc điện thoại và 02 sim số 01285688110, 0935173944 mà Nguyễn Thị Th dùng làm phương tiện nghe gọi và nhắn tin nhằm chiếm đoạt tiền của chị Lê Thị Th1 đã bị Th vứt bỏ tại khu cách đồng Thanh Lam, hiện không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị Th1 yêu cầu Nguyễn Thị Th phải bồi thường số tiền chiếm đoạt còn lại là 333.520.000 đồng.

Đối với số tiền 140.000.000 đồng của chị Trần Thị Lệ Huyền thì chị Lê Thị Th1 đã thỏa thuận hoàn trả nên chị Huyền không yêu cầu gì.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng của bà Dương Thị Lồng cho Nguyễn Thị Th mượn là quan hệ dân sự và bà Lồng cũng không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS-P3 ngày 23/11/2018, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố Nguyễn Thị Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th từ 11 đến 12 năm tù. Về phần trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Thị Th phải bồi thường cho chị Lê Thị Th1 số tiền 200.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Th nhất trí với tội danh Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên, luật sư cho rằng, tang số bị cáo phạm tội chỉ là 513.520.000đồng chứ không phải 1.457.620.000đồng như cáo trạng kết luận. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Th đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Vợ chồng người bị hại bà Lê Thị Th1 và ông Phạm Phúc chỉ yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 200.000.000 đồng trong số 333.520.000 đồng bị cáo chưa bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Th đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở

kết luận: Để có tiền trả nợ và chi trả tiền trúng số đề cho những người chơi đề, lợi dụng mối quan hệ quen biết bạn bè với chị Lê Thị Th1, bị cáo Nguyễn Thị Th đã tạo ra thủ đoạn gian dối bằng hình thức: Bị cáo nói dối với chị Lê Thị Th1 là có người trúng thưởng vé số kiến thiết hoặc trúng số đề muốn đổi. Nếu giá trị vé số trúng thưởng hoặc số đề trúng thưởng từ 01 tỷ đồng trở lên thì số tiền bị cáo được hưởng sẽ là 60 triệu đồng/1 tỷ đồng giá trị giải thưởng; nếu giá trị vé số trúng thưởng hoặc số đề trúng thưởng dưới 01 tỷ đồng thì người trúng thưởng chỉ lấy 95% giá trị trúng thưởng, còn bị cáo được họ cho 5%. Do đó, nếu chị Lê Thị Th1 đồng ý bỏ tiền ra để bị cáo mua các vé số trúng thưởng hoặc chi trả các số đề trúng này thì bị cáo sẽ trả lãi cho chị Lê Thị Th1 theo thỏa thuận (nhưng thực chất không có ai trúng vé số hoặc trúng số đề đó mà đều do Nguyễn Thị Th tự bịa đặt ra). Do mỗi ngày chỉ đưa cho bị cáo một số tiền không lớn mà lại được trả lại ngay một khoản tiền khác, đồng thời còn được hưởng một khoản tiền lời “ảo” lớn mà bị cáo hứa sẽ trả khi không mua vé số trúng hoặc trả tiền trúng số đề nên chị Lê Thị Th1 đã không nghi ngờ và rất tin tưởng.

Chỉ trong một thời gian ngắn từ ngày 30/01/2017 đến ngày 16/3/2017, bị cáo đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối làm cho bị hại tin tưởng và đã 58 lần đưa tiền cho bị cáo Nguyễn Thị Th chiếm đoạt với tổng số tiền là 1.457.620.000 đồng, mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo có trả lại cho bị hại 944.100.000 đồng. Do vậy, tang số phạm tội của bị cáo như cáo trạng đã truy tố 1.457.620.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Việc bị cáo trả lại số tiền 944.100.000 đồng cho bị hại chỉ là pHƯC, thủ đoạn phạm tội của bị cáo nhằm làm cho bị hại tin tưởng. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận lời bào chữa của luật sư.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Th đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS-P3 ngày 23/11/2018 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đây là vụ án đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 01 tỷ đồng là tài sản có giá trị lớn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là phạm pháp. Tuy nhiên, chỉ vì muốn có tiền để trả nợ và ước muốn làm giàu bất hợp pháp (làm cái số đề), bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại Lê Thị Th1. Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, nên cần phải xử lý thích đáng mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị Th có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và không phạm vào tình tiết tăng nặng nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, đã hoàn trả phần lớn thiệt hại để khắc phục hậu quả mà mình đã gây ra. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét cần

cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ này như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của người bào chữa cho bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị hại Lê Thị Th1 và chồng Phạm Phúc chỉ yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 200.000.000 đồng trong tổng số 333.520.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt nhưng chưa bồi thường đủ.

Xét thấy sự tự nguyện này là đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cần chấp nhận, buộc bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng bị hại Lê Thị Th1, ông Phạm Phúc số tiền 200.000.000 đồng.

Đối với số tiền 140.000.000 đồng mà chị Lê Thị Th1 vay mượn của chị Trần Thị Lệ Huyền, quá trình điều tra chị Th đã trả cho chị Huyền, chị Huyền không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng mà bị cáo đã vay mượn 02 lần của bà Dương Thị Lồng, đây là quan hệ dân sự và bà Lồng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã thu giữ và in sao các tin nhắn liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Th. Đây là những tài liệu, chứng cứ chứng minh tội phạm, cần lưu giữ lại trong hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Th phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị Th 10 (mười) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 12/6/2018, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 13/10/2017 đến ngày 09/3/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; buộc bị cáo Nguyễn Thị Th phải bồi thường cho vợ chồng bị hại Lê Thị Th1 và ông Phạm P số tiền 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa bồi thường xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Th phải chịu 200.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Th phải chịu $5\% \times 200.000.000$ đồng = 10.000.000 đồng.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT - Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh TT - Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT - Huế;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS tỉnh TT - Huế;
- Bị cáo; bị hại.
- Lưu HSVÀ, HCTP, KTNV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Lộc